

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 125/2021/HS-ST
Ngày 30-9-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thúy Mở

Ông Bùi Đình Hùng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Linh và bà Nguyễn Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 118/2021/TLST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2021/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

H, sinh năm 1985 tại Phú Thọ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 10, xã V, huyện B, tỉnh Phú Thọ; nơi đăng ký tạm trú: Thôn Giữa, xã Q, huyện N, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 02/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hùng Mạnh Bộ và bà Lê Thị Nhận; có chồng Nguyễn Mạnh Tuất và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 05 tháng 7 năm 2021; có mặt.

*** Bị hại:**

- Ông C, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn Tân, xã Q, huyện N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Ông P, sinh năm 1952; nơi cư trú: Thôn 7, xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Ông T, sinh năm 1961; nơi cư trú: Số 100 tổ dân phố Bạch Đằng 2, thị trấn Đ, huyện N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Anh L, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn 8, xã Thiên Hương, huyện N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh G, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn 1, xã Kênh Giang, huyện N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Bà T, sinh năm 1960; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 11, xã Hòa Bình, huyện N, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Thôn 8, xã Thiên Hương, huyện N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

H, sinh năm 1985; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 10, xã V, huyện B, tỉnh Phú Thọ có quan hệ tình cảm với L, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn Giữa, xã Q, huyện N, thành phố Hải Phòng. H đăng ký tạm trú tại nhà L nhưng H và L không ở nhà L mà thường xuyên thuê nhà nghỉ để ở và sử dụng ma túy. Để có tiền ăn tiêu và thuê nhà nghỉ trong khoảng thời gian từ ngày 08 tháng 4 năm 2021 đến ngày 03 tháng 7 năm 2021 H đã nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của nhiều người cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 08 tháng 4 năm 2021 H đi bộ trên đường tỉnh lộ 352 thì phát hiện thấy trong cửa hàng Gas và bếp gas Cánh Hạnh ở thôn Tân, xã Q, huyện N, thành phố Hải Phòng có 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream biển số 16K1-3645 của ông C, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn Tân, xã Q, huyện N, thành phố Hải Phòng đang để trong cửa hàng, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện. H quan sát thấy không có người trông coi nên đã đi vào trong cửa hàng lấy chiếc xe mô tô trên rồi điều khiển xe mô tô đến bán cho anh G, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn 1, xã Kênh Giang, huyện N, thành phố Hải Phòng được số tiền 500.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 55/HĐĐGTS ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N kết luận: chiếc xe mô tô mang BKS 16K1-3645 trị giá là 6.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 29 tháng 6 năm 2021 H đi bộ một mình từ thị trấn Đ đến thôn 7, xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng phát hiện trong sân nhà ông P, sinh năm 1952 ở thôn 7 xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng có 01 chiếc xe đạp mi ni màu sơn đen đang dựng trong sân sát bờ tường bao. H quan sát thấy không có người trông coi nên H đi vào trong sân lấy chiếc xe đạp trên rồi đạp xe về thị trấn Đ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 60/HĐĐGTS ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N kết luận: Chiếc xe đạp trị giá 100.000 đồng.

Lần thứ ba: Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 29 tháng 6 năm 2021 sau khi chiếm đoạt được chiếc xe đạp của ông P, H đạp xe đạp về khu vực thị trấn Đ thì phát hiện

thấy có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream biển số 15-449H1, chìa khóa treo sát ổ khóa điện của ông T, sinh năm 1961; nơi cư trú: Số 100 Bạch Đằng 2, thị trấn Đ, huyện N, thành phố Hải Phòng để trên vỉa hè trước khu vực Công ty Dịch vụ Thương mại Thiết bị điện Trung Hiếu ở số 100 tổ dân phố Bạch Đằng 2, thị trấn Đ, huyện N, thành phố Hải Phòng, H đã dựng chiếc xe đạp ở nhà bên cạnh sau đó dắt chiếc xe mô tô trên ra ngoài rồi điều khiển xe mô tô đến cầm cố cho anh G, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn 1, xã Kênh Giang, huyện N, thành phố Hải Phòng được số tiền 1.400.000 đồng. Sau khi phát hiện bị mất xe ông T đã trình báo Cơ quan Công an và giao nộp cho Cơ quan Công an 01 USB màu đỏ trên thân có ghi chữ “TRANYOO 4 USB U4” bên trong có chứa video ghi lại hình ảnh H trộm cắp tài sản tại thị trấn Đ vào ngày 29 tháng 6 năm 2021 và 01 xe đạp mi ni màu sơn đen. Ngày 04 tháng 7 năm 2021 anh G đã giao nộp cho Công an huyện N 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream biển số 15-449H1.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 54/HĐĐGTS ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận: chiếc xe mô tô mang BKS 15-449H1 trị giá 6.000.000 đồng.

Lần thứ tư: Ngày 01 tháng 7 năm 2021 H và L đến thuê phòng 204 nhà nghỉ Bình Minh ở thôn 8, xã Thiên Hương, huyện N, thành phố Hải Phòng do anh L, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn 8, xã Thiên Hương, huyện N, thành phố Hải Phòng là chủ nhà nghỉ. Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 03 tháng 7 năm 2021 H đi một mình lên tầng 3 của nhà nghỉ Bình Minh vào phòng thờ lấy 02 chiếc chân nến bằng kim loại đồng vàng để trên bàn thờ. Sau khi lấy được tài sản H mang về phòng 204 nhờ L tháo phần đế của 02 chân nến rồi một mình H mang các trụ của hai chân nến đi bán cho bà T, sinh năm 1960; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 11, xã Hòa Bình, huyện N, thành phố Hải Phòng là chủ cơ sở thu mua phế liệu ở thôn 8, xã Thiên Hương, huyện N, thành phố Hải Phòng được 200.000 đồng, còn các phần đĩa và đế của 02 chân nến H cho vào túi xách màu đen dạng trống. Sau đó H và L thu dọn đồ rồi xuống thanh toán tiền thuê phòng. Khi thanh toán tiền thuê phòng do thiếu tiền nên H đã để lại 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Sam sung J3 màu vàng của mình và 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Mạnh Hùng nhưng dán ảnh của L để làm tin, hẹn quay lại thanh toán sau. Sau khi bị mất tài sản anh L đã đến Công an xã Thiên Hương trình báo. Ngày 05 tháng 7 năm 2021 H bị bắt và đã giao nộp cho Công an huyện N 01 túi xách dạng trống màu đen kích thước 43cmx20x28cm, 04 miếng kim loại hình nón màu vàng. Bà T đã tự nguyện giao nộp cho Công an huyện N 09 mảnh kim loại màu vàng bị cắt ra từ trụ chân nến. Anh L đã giao nộp cho Công an huyện N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J3 màu vàng và 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Mạnh Hùng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã thông báo truy tìm xe xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream biển số 16K1-3645 nhưng không thu hồi được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 59/HĐĐGTS ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận 02 chân nến bằng kim loại (đồng vàng) trị giá 1.400.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N L khai: Ngày 01 tháng 7 năm 2021 H và L thuê phòng 204 nhà nghỉ Bình Minh. Ngày 03 tháng 7 năm 2021 H lấy 02 chân nến của nhà nghỉ Bình Minh, L và H không bàn bạc trước khi H lấy 02 chân nến của nhà nghỉ Bình Minh. Khi H mang 02 chân nến xuống phòng 204 nhờ L tháo hộ chân nến để mang đi bán thì L mới biết 02 chân nến do H lấy của nhà nghỉ Bình Minh, còn H có thực hiện các lần trộm cắp khác không thì Đăng Văn Luân không rõ. Sau đó một mình H mang đi bán, số tiền bán được trả tiền thuê phòng nghỉ nhưng không đủ nên H đã để lại 01 điện thoại di động và giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Mạnh Hùng có dán ảnh của L do H nhặt được từ trước. Do chứng minh nhân dân của L bị mất nên L đã dán ảnh của L vào chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Mạnh Hùng để thuê nhà nghỉ.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N anh G khai: Ngày 08 tháng 4 năm 2021 G mua 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream biển số 16K1-3645 của H với giá 500.000 đồng nhưng không biết là tài sản do H trộm cắp mà có, G đã tháo rời các bộ phận bán cho cửa hàng sắt vụn không thu hồi được. Ngày 29 tháng 6 năm 2021 G cầm cố 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream biển số 15-449H1 của H với số tiền 1.400.000 đồng nhưng không biết là tài sản do H trộm cắp mà có, G đã tự nguyện giao nộp xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream biển số 15-449H1 cho Công an huyện N. Nay G không yêu cầu H phải bồi thường số tiền 1.400.000 đồng mà G đã bỏ ra để cầm cố xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream biển số 15-449H1.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N bà T khai: Bà T làm nghề thu mua sắt vụn tại thôn 8, xã Thiên Hương, huyện N, thành phố Hải Phòng. Khoảng 12 giờ ngày 03 tháng 7 năm 2021 bà T mua 02 trụ chân nến của một người phụ nữ sau này được biết là H với giá 200.000 đồng nhưng không biết là tài sản do H trộm cắp mà có. Bà T đã cắt thành các đoạn nhỏ và đã tự nguyện giao nộp cho Công an huyện N. Nay bà T không yêu cầu H phải bồi thường số tiền 200.000 đồng đã bỏ ra mua 02 trụ chân nến.

Về dân sự: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại 01 xe mô tô biển số 15-449H1 cho ông T; 01 xe đạp mini màu sơn đen cho ông P; 04 miếng kim loại hình nón màu vàng và 09 mảnh kim loại màu vàng cho anh L. Bị hại là ông T, ông P và anh L đã nhận lại tài sản bị H chiếm đoạt, nay không có yêu cầu gì về bồi thường thiệt hại. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh G và bà T không yêu cầu H phải bồi thường số tiền bỏ ra mua, cầm cố tài sản của H. Ông C yêu cầu H phải bồi thường trị giá chiếc xe mô tô là 6.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 126/CT-VKSTN ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo H về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng. Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng truy tố về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng nhưng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Tại phiên tòa bị hại là ông C khai: Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 08 tháng 4 năm 2021 ông có dựng 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream biển số 16K1-3645 trong cửa hàng Gas và bếp gas Cánh Hạnh của ông ở thôn Tân, xã Q, huyện N, thành phố Hải Phòng, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện đã bị kẻ gian lấy mất (sau này ông được biết là H), nay không thu hồi được. Ông C yêu cầu H phải bồi thường 6.000.000 đồng trị giá chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream biển số 16K1-3645.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng trình bày lời luận tội đối với bị cáo H, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị kết tội bị cáo H về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự theo toàn bộ nội dung cáo trạng. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo H từ 18 tháng đến 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (ngày 05 tháng 7 năm 2021). Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo H. Về dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự buộc bị cáo H phải bồi thường cho ông C số tiền 6.000.000 đồng. Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 túi xách dạng trống màu đen. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N và Kiểm sát viên thu thập và tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên thu thập và hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về trình tự thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên thu thập và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thu thập và thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, kết luận định giá tài sản số 54/HĐĐGTS ngày 05 tháng 7 năm 2021, kết luận định giá tài sản số 55/HĐĐGTS ngày 05 tháng 7 năm 2021, kết luận định giá số 59/HĐĐGTS ngày 07 tháng 7 năm 2021, kết luận định giá số 60/HĐĐGTS ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét và công bố công khai tại phiên tòa. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 08 tháng 4 năm 2021 bị cáo H đã thực hiện hành vi lén lút để chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream biển số 16K1-3645 trị giá 6.000.000 đồng của ông C tại thôn Tân, xã Q, huyện N, thành phố Hải Phòng. Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 29 tháng 6 năm 2021 bị cáo H đã thực hiện hành vi lén lút để chiếm đoạt 01 xe đạp mi ni màu sơn đen trị giá 100.000 đồng của ông P tại thôn 7, xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng. Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 29 tháng 6 năm 2021 bị cáo H đã thực hiện hành vi lén lút để chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream biển số 15-449H1 trị giá 6.000.000 đồng của ông T tại số 100 tổ dân phố Bạch Đằng 2, thị trấn Đ, huyện N, thành phố Hải Phòng. Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 03 tháng 7 năm 2021 bị cáo H đã thực hiện hành vi lén lút để chiếm đoạt 02 chân nến bằng kim loại (đồng vàng) trị giá 1.400.000 đồng của anh L tại thôn 8, xã Thiên Hương, huyện N, thành phố Hải Phòng. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 13.500.000 đồng. Do đó bị cáo H đã phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã truy tố và đề nghị kết tội bị cáo H về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng điều luật.

[3] Xem xét đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhân thân của bị cáo và quyết định hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo H là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo H đã 04 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trong đó có 02 lần trị giá tài sản chiếm đoạt là 6.000.000 đồng là phạm tội 02 lần trở lên đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội và tại phiên tòa bị cáo H đã thành khẩn khai báo đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo H không có tiền án, tiền sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo H, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo H phạm tội ít nghiêm trọng,

nhân thân không có tiền án, tiền sự nhưng xét trong một thời gian ngắn bị cáo H đã nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù với mức hình phạt trên khởi điểm của khung hình phạt, buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định theo đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa đối với bị cáo mới đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét bị cáo H không có nghề nghiệp và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo H.

[4] Về bồi thường thiệt hại: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại 01 xe mô tô biển số 15-449H1 cho ông T, 04 miếng kim loại hình nón màu vàng và 09 mảnh kim loại màu vàng bị cắt ra từ trụ chân nền cho anh L, 01 xe đạp mini màu sơn đen cho ông P. Nay ông T, anh L và ông P không yêu cầu gì thêm về bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh G không yêu cầu H phải bồi thường số tiền 1.400.000 đồng mà G đã bỏ ra để cầm cố 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream biển số 15-449H1. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà T không yêu cầu H phải bồi thường số tiền 200.000 đồng đã bỏ ra mua 02 trụ chân nền nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Ông C yêu cầu H phải bồi thường số tiền 6.000.000 đồng trị giá xe mô tô biển số 16K1-3645, Hội đồng định giá tài sản kết luận xe mô tô BKS 16K1-3645 trị giá 6.000.000 đồng, xét đây là thiệt hại thực tế do hành vi phạm tội của bị cáo H gây ra nên căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự và các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự buộc bị cáo H phải bồi thường cho ông C số tiền là 6.000.000 đồng.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự xác định 01 túi xách dạng túi trống màu đen kích thước 43cmx20cmx28cm là vật liên quan đến vụ án và không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Trong vụ án này L có hành vi giúp sức cho H tháo phần trụ của 02 chân nền bằng kim loại đồng vàng do H trộm cắp mà có, quá trình điều tra xác định L chưa bị xử phạt vi phạm hành chính và chưa bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, trị giá tài sản bị chiếm đoạt chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên Công an huyện N đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với L. Đối với hành vi sửa chữa chứng minh nhân dân của L, quá trình điều tra xác định khi nhặt được chứng minh nhân dân của anh Nguyễn Mạnh Hùng đã cũ nát, không còn ảnh của anh Nguyễn Mạnh Hùng, L không có chứng minh nhân dân nên L đã dán ảnh của

mình vào để thực hiện giao dịch dân sự (thuê nhà nghỉ). Hành vi sửa chữa chứng minh nhân dân của L để thuê nhà nghỉ, L chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này và chưa bị kết án về tội sửa chữa giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức nên Công an huyện N đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với L. Đối với 01 chứng minh nhân dân số 061022251 mang tên Nguyễn Mạnh Hùng, sinh ngày 06 tháng 3 năm 1981, nơi đăng ký thường trú: Xã Tô Mậu, Lục Yên, Yên Bái (dán ảnh của L), quá trình điều tra xác định chứng minh nhân dân trên của anh Nguyễn Mạnh Hùng đã cũ nát, không còn ảnh của anh Nguyễn Mạnh Hùng, anh Nguyễn Mạnh Hùng làm rơi, hiện không còn giá trị sử dụng và anh Nguyễn Mạnh Hùng không yêu cầu trả lại nên Công an huyện N đã ra quyết định tịch thu, tiêu hủy. Đối với G và T có hành vi cầm cố, mua tài sản do H phạm tội mà có, quá trình điều tra xác định G và T không biết là tài sản do H trộm cắp mà có nên Công an huyện N không xử lý. Đối với G có hành vi cầm cố tài sản không có giấy tờ hợp pháp Công an huyện N đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J3 màu vàng của H, quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của H, không có liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho anh Nguyễn Văn Lương, sinh năm 1992 ở xã Chính Mỹ, huyện N, thành phố Hải Phòng (em rể H) quản lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo H 24 (hai mươi tư) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (ngày 05 tháng 7 năm 2021).

Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo H phải bồi thường cho ông C số tiền 6.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông C đối với khoản tiền bồi thường thiệt hại cho đến khi thi hành xong bị cáo H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 túi xách dạng túi trống màu đen kích thước 43cmx20cmx28cm (Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, thành phố Hải Phòng).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo H phải chịu 200.000 đồng (Hai

trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Hải Phòng;
- Trại tạm giam Công an TP Hải Phòng;
- PV06 Công an thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện N;
- Cơ quan điều tra Công an huyện N;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi bị cáo cư trú);
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hiền

